



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 16/10/2023 - 20/10/2023

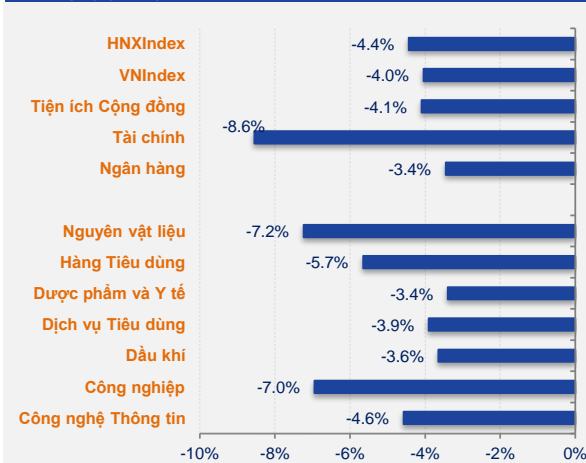
THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,108.03	↓ -4.0%	228.45	↓ -4.4%
KLGD (trCP)	3,396.18	↑ 17.1%	503.61	↑ 9.0%
GTGD (tỷ VND)	78,465.67	↑ 12.8%	10,265.24	↑ 9.7%
Tổng cung (trCP)	6,148.50	↓ -14.4%	681.05	↓ -3.6%
Tổng cầu (trCP)	6,501.85	↓ -12.5%	665.80	↓ -2.8%

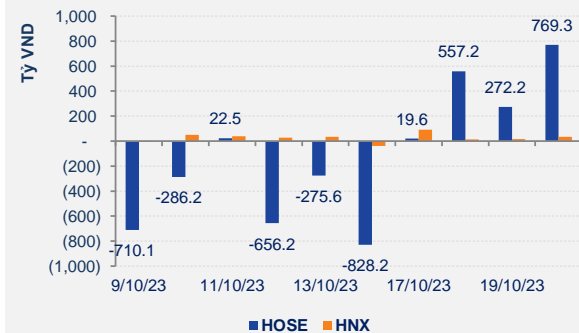
Giao dịch NĐT nước ngoài

KL mua (trCP)	204.77	↑ 68.7%	6.81	↑ 23.9%
KL bán (trCP)	192.95	↑ 5.0%	5.18	↑ 148.7%
GT mua (tỷ VND)	7,105.40	↑ 76.9%	234.50	↑ 17.0%
GT bán (tỷ VND)	6,315.21	↑ 6.6%	117.53	↑ 148.0%

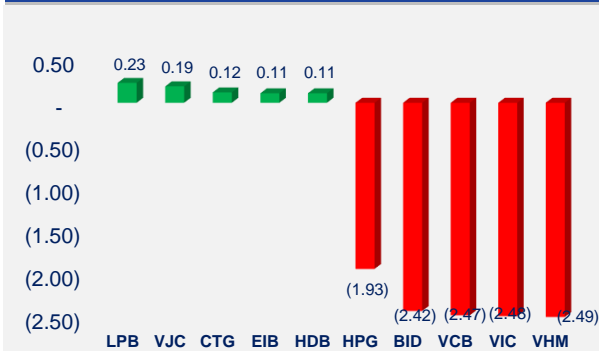
Biến động giá Ngành theo Tuần



Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài



Top các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau tuần giao dịch phục hồi tốt ở vùng hỗ trợ 1.105 điểm, VN-INDEX đã trải qua tuần giao dịch trái ngược với 04 phiên đầu tuần chịu áp lực mạnh đột biến trên rất nhiều mã, nhóm mã, VN-INDEX chịu áp lực bán từ vùng kháng cự quanh 1.160 điểm về vùng giá 1.070 điểm -1.080 điểm mới phục hồi trở lại trong phiên cuối tuần. Kết thúc tuần VN-INDEX ở mức 1.108,03 điểm, giảm 4,04% so với tuần trước và vượt lên lại mức giá thấp nhất ngày 04/10/2023, tạo kỳ vọng 02 đáy ngắn hạn. HNX-INDEX có diễn biến tương tự với 04 phiên giảm mạnh và phục hồi trong phiên cuối tuần. Kết thúc tuần ở mức 239,05 điểm giảm 4,43% so với tuần trước.

Trong tuần thanh khoản trên HOSE đạt 78.465,67 tỉ đồng, tăng 12,8% so với tuần trước, khối lượng giao dịch tăng 17,1% cho thấy áp lực bán mạnh hơn so với mức độ phục hồi tuần trước, nhưng dưới mức trung bình sau khi thị trường đã giảm mạnh từ vùng giá 1.250 điểm. Thanh khoản HNX tăng 9,7% với 10.265,24 tỉ đồng. Nhà đầu tư nước ngoài sau 06 tuần bán ròng mạnh, đã gia tăng giao dịch và mua ròng với giá trị 790,19 tỷ đồng trên HOSE; mua ròng trên HNX với giá trị 116,97 tỷ đồng.

Trong tuần thị trường đón nhận nhiều thông tin như: Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố, tỷ lệ nợ xấu đã lên 3,56% đến cuối tháng 7/2023. Với tỷ lệ này, số dư nợ xấu của toàn hệ thống đến cuối tháng 7 là hơn 440.000 tỷ đồng; Chính phủ đồng ý với đề xuất của Bộ Tài chính tiếp tục giảm 2% thuế VAT trong 6 tháng đầu năm 2024; Ngày 19/10/2023 là ngày đáo hạn của lô tín phiếu đầu tiên trong đợt phát hành bắt đầu từ giữa tháng 9. Theo đó, với kỳ hạn 28 ngày, 9.995 tỷ đồng được của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) rút ra khỏi hệ thống qua kênh tín phiếu vào phiên 21/9/2023 sẽ được bơm trả.

Với diễn biến giảm điểm áp đảo trong tuần qua, nhiều nhóm cổ phiếu đã luân phiên chịu áp lực bán mạnh và chỉ bắt đầu hồi phục tốt trở lại phiên cuối tuần. Trong đó nhóm cổ phiếu bất động sản mặc dù phục hồi tốt trong phiên cuối tuần nhưng vẫn điều chỉnh mạnh trong tuần như DIG (-14,14%), DRH (-13,62%), NHA (-12,68%), VPH (-12,26%), NTL (-11,71%)... ngoài NBB (+10,26%) tăng giá tích cực.

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng có diễn biến tương tự với nhiều mã chịu áp lực bán mạnh, thanh khoản gia tăng trên mức trung bình như CTS (-15,69%), AGR (-13,86%), FTS (-12,68%), VCI (-12,03%), TVS (-9,65%), MBS (-9,61%)...

Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng đa số cũng chịu áp lực điều chỉnh nhưng phân hóa và tích cực hơn so với thị trường chung khi có những mã tăng giá so với tuần trước với LPB (+2,46%), EIB (+1,43%), HDB (+0,85%), CTG (+0,34%)... ngoài đa số chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình, thể hiện áp lực bán không lớn như MSB (-6,81%), NVB (-5,83%), VIB (-5,17%), BID (-4,71%)... Các nhóm ngành khác hầu hết đều có diễn biến kém tích cực trong tuần với áp lực bán mạnh và chỉ phục hồi tốt khi thị trường vào vùng quá bán ngắn hạn.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 đã đáo hạn và chuyển sang giao dịch trên kỳ hạn chính VN30F2311, kết tuần ở mức 1.117 điểm, mức chênh lệch gia tăng âm -6,69 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng mạnh trong phiên cuối tuần, trên mức trung bình, thể hiện hoạt động cơ mạnh khi thị trường biến động. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2312, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -4,79 điểm đến -14,69 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn gia tăng và trở lại bình thường, cho thấy các trader vẫn chưa lạc quan về xu hướng của VN30, phòng ngừa rủi ro ở các kỳ hạn lớn

WEEKLY WRAP

Tuần GD: 16/10/2023 - 20/10/2023

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Nỗ lực vượt cản 1.150 điểm trong tuần trước bất thành khiến cho tuần này Vnindex lại quay đầu giảm điểm mạnh để test lại đáy cũ quanh 1.100 điểm. Trong tuần đã có thời điểm Vn-Index giảm qua đáy 1.100 điểm về gần vùng hỗ trợ 1.070 điểm nhưng nỗ lực phục hồi trong phiên cuối tuần giúp chỉ số lấy lại ngưỡng 1.100 điểm và vẫn có hy vọng hình thành đáy W. Chốt tuần VnIndex đóng cửa ở 1.108,03 điểm (-46,70 điểm, -4,05%). Trong ngắn hạn thị trường vẫn đang biến động khá mạnh và sẽ cần nhiều thời gian để tìm đến khu vực cân bằng cho quá trình tích lũy.

Về tình hình vĩ mô, giá dầu thế giới tuần qua tiếp tục đà tăng (dầu Brent tăng 2,89%) do chiến sự tại Israel gia tăng căng thẳng. Bên cạnh đó chủ tịch Fed tuần qua cho biết sẽ vẫn kiên định với mục tiêu hạ lạm phát xuống mức 2% cho thấy mặt bằng lãi suất tại Mỹ sẽ còn duy trì ở mức cao và chưa thể sớm biết khi nào thì sẽ giảm (hiện tại nhiều ý kiến đang ủng hộ việc tạm dừng tăng lãi suất trong cuộc họp sắp tới). Trong nước, tuần vừa qua, Ngân hàng nhà nước đã giảm quy mô phát hành tín phiếu xuống còn 55.900 tỷ đồng (tuần trước là 65.000 tỷ đồng) và có 20.000 tỷ đồng đã đến hạn và quay trở lại hệ thống. Nhiều doanh nghiệp đã công bố kết quả kinh doanh quý 3 và ngoài nhóm ngành chứng khoán hầu hết đều ghi nhận sự tích cực thì sự phân hóa giữa các doanh nghiệp trong các nhóm ngành khác là điều có thể nhận thấy. Nhìn chung trong bối cảnh như trên việc thị trường chứng lại để tiếp tục tích lũy là vận động phù hợp.

Thị trường trong ngắn hạn đang vận động lũng lèo nhưng có khả năng hình thành đáy W nếu tuần tới Vn-Index tiếp tục hồi phục. Nếu đà hồi phục tiếp diễn nhà đầu tư ngắn hạn có thể tham gia giải ngân với quan điểm thận trọng bởi nhịp hồi không phải là xu hướng uptrend tiếp diễn nên sẽ có thể kết thúc bất kỳ thời điểm nào. Trong trung, dài hạn thị trường dù mất xu hướng uptrend nhưng sẽ đi tìm điểm cân bằng mới và tích lũy lại nên rủi ro trung dài hạn không cao. Trong các bản tin ngày và tuần chúng tôi đều khuyến nghị các nhà đầu tư trung và dài hạn giải ngân trong giai đoạn vừa qua từ chân sóng, do đó nếu tuân thủ chiến lược giải ngân nhà đầu tư hoàn toàn đã cơ cấu được danh mục hợp lý vì vậy tiếp tục nắm giữ danh mục.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



WEEKLY WRAP

Tuần GD: 16/10/2023 - 20/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO ĐỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PVP	14.60	13-14	17.5-18.2	12	8.0	75.4%	-68.3%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	47.60	46-48	57-59	43	7.2	-13.4%	-0.3%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	20.70	18.5-20	24-25	17.5	18.7	25.4%	37.2%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	30.40	28-29.5	34-35	27	7.0	491.3%	368.1%	Theo dõi chờ giải ngân
DPM	36.30	38-38.7	44-46	35	5.7	-26.1%	-92.4%	Theo dõi chờ giải ngân
PLC	31.90	26-28	31-32	25	23.6	-11.0%	-34.4%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	41.00	36-38	45-46	33	7.0	-36.3%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân
NT2	23.00	20.5-21.5	26-27	19	16.0	-62.4%	-162.2%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/05/2023	DPR	33.60	25.90	35-37	30	29.7%	Nắm giữ
28/09/2023	BSR	20.40	21.70	26-28	20	-6.0%	Nắm giữ
06/10/2023	VHM	44.50	45.00	61-63	43	-1.1%	Nắm giữ
13/10/2023	PVP	14.60	14.85	18.2-19	14.5	-1.7%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Chủ tịch Fed phát tín hiệu tiếp tục ngừng tăng lãi suất trong cuộc họp tháng 11, cảnh báo sẽ thắt chặt chính sách nếu tăng trưởng kinh tế 'quá nóng'

Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang (Fed) mới đây phát tín hiệu NHTW có thể sẽ không điều chỉnh lãi suất trong cuộc họp chính sách sắp tới. Ngoài ra, ông cũng cảnh báo lạm phát đang còn quá cao và có khả năng sẽ tăng lãi suất thêm nữa nếu nền kinh tế tiếp tục nóng lên với diễn biến khó lường. Ông Powell phát biểu trong sự kiện Economic Club of New York ngày 19/10: “Những dấu hiệu về đà tăng trưởng liên tục, hoặc thị trường lao động tiếp tục nóng lên, có thể khiến lạm phát tăng cao hơn nữa. Qua đó, chính sách tiền tệ lại cần được thắt chặt mạnh hơn.” Ngoài ra, ông Powell cũng nhấn mạnh rằng NHTW sẽ thận trọng cân nhắc giữa việc hành động quá nhiều và quá ít. Ông lưu ý rằng, với tốc độ tăng lãi suất của Fed, thì khả năng “thắt chặt vẫn còn”.

UBCKNN họp với FTSE Russell về nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam

Đại diện FTSE đánh giá tích cực với những nỗ lực của UBCKNN, các đơn vị liên quan và thành viên thị trường trong công tác nâng hạng TTCK Việt Nam từ Cận biên lên mới nổi. Mới đây, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã có buổi làm việc với đại diện FTSE Russell - Tổ chức xếp hạng thị trường, cập nhật các thông tin chính sách/thị trường, định hướng giải pháp để tháo gỡ các vướng mắc trong tiêu chí nâng hạng thị trường chứng khoán của Việt Nam. Tại buổi làm việc, Chủ tịch UBCKNN chia sẻ quan điểm chỉ đạo, chủ trương chính sách của Chính phủ Việt Nam với vấn đề nâng hạng TTCK.

Tiêu thụ thép xây dựng tăng cao trong tháng 9

Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), trong tháng 9/2023, sản lượng bán hàng thép xây dựng đạt hơn 958.500 tấn, tăng 9% so với tháng trước và tăng 4% so với cùng kỳ năm 2022. Đây là lần đầu tiên, bán hàng thép xây dựng tăng trưởng dương trong năm nay và đạt mức cao nhất 9 tháng qua. Nhu cầu thị trường cải thiện cũng được phản ánh trong tình hình kinh doanh của các công ty. Doanh nghiệp đầu ngành Hòa Phát ghi nhận sản lượng bán hàng cao nhất từ đầu năm. Cụ thể, bán hàng các sản phẩm thép xây dựng, thép cuộn cán nóng (HRC), phôi thép đạt 596.000 tấn, tăng 7% so với tháng trước. Riêng thép xây dựng đóng góp 352.000 tấn, cao nhất kể từ đầu năm và tăng 15% so với tháng 8.

Giá chung cư và nhà ở riêng lẻ tiếp tục tăng

Theo đánh giá của Bộ Xây dựng, trong quý 3/2023, mức độ qua tâm đối với nhà ở đang có dấu hiệu phục hồi, đồng thời, giá căn hộ chung cư và nhà ở riêng lẻ tiếp tục tăng cả ở Hà Nội và TP.HCM... Tại buổi họp báo thường kỳ quý 3/2023 ngày 19/10, ông Đậu Minh Thanh, Chánh Văn phòng Bộ Xây dựng, cho biết trong quý vừa qua, phân khúc đất nền có 91.277 giao dịch thành công, bằng 135,72% so với quý 2/2023; phân khúc căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ có 29.723 giao dịch thành công, bằng 99,99% so với quý trước.

TIN DOANH NGHIỆP**VPBank hoàn tất phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư Nhật Bản SMBC**

Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) hôm nay (20/10) thông báo đã hoàn tất giao dịch phát hành riêng lẻ 15% cổ phần cho Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC), chính thức đưa ngân hàng lớn thứ 2 Nhật Bản trở thành cổ đông chiến lược đồng hành cùng VPBank trong chặng đường phát triển sắp tới. VPBank đạt được thỏa thuận phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược SMBC vào cuối tháng 3 vừa qua. Theo đó, ngân hàng chào bán hơn 1,19 tỷ cổ phiếu cho SMBC – ngân hàng trực thuộc tập đoàn tài chính Sumitomo Mitsui Financial Group, Inc. (SMFG), Nhật Bản. Tổng giá trị của đợt phát hành đạt hơn 35,9 nghìn tỷ đồng (tương đương gần 1,5 tỷ USD).

Doanh thu giảm 60%, Nam Long (NLG) vẫn báo lãi ròng quý 3/2023 gấp 8 lần cùng kỳ nhờ một yếu tố bất ngờ

CTCP Đầu tư Nam Long (mã chứng khoán: NLG) vừa công bố báo cáo tài chính quý 3/2023 với doanh thu giảm gần 60% còn 357 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đồng loạt giảm, còn 72,3 tỷ đồng và 125 tỷ đồng. Ngoài ra, Nam Long còn ghi nhận gần 90 tỷ đồng phần lãi từ công ty liên doanh liên kết. Kết quả cuối cùng, Nam Long chỉ thu về 3,2 tỷ đồng lãi trước thuế, giảm 96% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, nhờ có khoản 80,7 tỷ tiền thuế TNDN hoãn lại, doanh nghiệp đã báo khoản lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 66,3 tỷ đồng, gấp 8 lần cùng kỳ năm trước. EPS tăng từ 21 đồng lên 163 đồng.

Lợi nhuận quý III/2023 của Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) giảm đến 92%

CTCP Nhiệt điện Quảng Ninh (mã chứng khoán QTP - UPCoM) mới công bố BCTC quý III và lũy kế 9 tháng 2023. Trong quý III, doanh thu thuần của Nhiệt điện Quảng Ninh đạt 2.507 tỷ đồng, giảm 20% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá vốn cũng giảm 16% về mức 2.445 tỷ đồng nên lợi nhuận gộp doanh nghiệp giảm tới 73% xuống còn vốn vụn 63 tỷ đồng. Trong quý III, QTP đã thực hiện sửa chữa định kỳ tổ máy nên sản lượng điện thương phẩm giảm dẫn tới doanh thu giảm. Biên lợi nhuận gộp giảm từ 7,5% xuống chỉ còn 2,5%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu thuần Công ty có sự tăng trưởng 13%, lên 9.211 tỷ đồng, song lợi nhuận sau thuế giảm đến 46%, xuống chỉ còn 404 tỷ đồng.

Quý III/2023: LPBank (LPB) ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan

Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LPBank, mã chứng khoán LPB) vừa công bố kết quả kinh doanh Quý III năm 2023 và ba quý đầu năm. Theo đó, trong 3 quý đầu năm, Ngân hàng ghi nhận mức tăng trưởng tín dụng tích cực, đạt tổng dư nợ 263.640 tỷ đồng, tương đương mức tăng 11,80% so với đầu năm, huy động vốn đạt gần 274.580 tỷ đồng, tăng 9,4% so với cuối năm 2022. Trong quý III/2023, lợi nhuận trước thuế của LPBank đạt 1.241 tỷ đồng, tăng 41% so với quý trước cho thấy sự cải thiện đáng kể trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, giữ được đà tăng trưởng, và có tiềm năng bứt phá trong 3 tháng cuối năm.

HOSE
Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	16,491,071	EIB	(9,446,702)
2	VHM	12,973,273	E1VFN30	(8,680,000)
3	PVD	3,757,079	VPB	(7,377,011)
4	DXG	3,711,298	FUEVFN30	(4,244,650)
5	PDR	2,345,100	MWG	(3,922,104)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	2,115,680	SHS	(2,210,998)
2	PVS	1,122,100	MBS	(242,700)
3	NRC	414,200	NVB	(200,000)
4	CEO	408,034	EID	(114,800)
5	TIG	139,400	PVC	(79,300)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	15.70	15.00	↓ -4.46%	141,673,100
SSI	33.55	31.30	↓ -6.71%	134,080,102
VND	22.00	19.95	↓ -9.32%	127,406,700
VPB	21.95	21.60	↓ -1.59%	120,451,101
STB	31.50	30.10	↓ -4.44%	106,714,537

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.20	16.70	↓ -8.24%	145,139,866
CEO	20.90	20.00	↓ -4.31%	45,506,584
PVS	39.90	38.90	↓ -2.51%	45,329,256
IDC	52.50	49.60	↓ -5.52%	30,883,167
HUT	23.50	21.60	↓ -8.09%	30,086,895

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MDG	13.90	17.40	3.5	↑ 25.18%
CCI	20.20	23.50	3.3	↑ 16.34%
ABR	15.30	17.30	2.0	↑ 13.07%
NBB	19.50	21.50	2.0	↑ 10.26%
TLD	5.36	5.90	0.5	↑ 10.07%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VLA	18.30	25.30	7.0	↑ 38.25%
VC6	10.50	13.60	3.1	↑ 29.52%
NBP	12.70	14.30	1.6	↑ 12.60%
PHN	43.60	49.00	5.4	↑ 12.39%
PMS	26.20	29.40	3.2	↑ 12.21%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

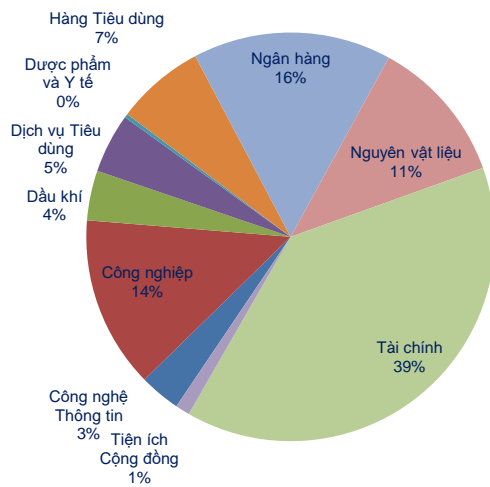
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNE	11.20	8.03	-3.2	↓ -28.30%
CMX	10.40	8.30	-2.1	↓ -20.19%
PTL	4.86	4.00	-0.9	↓ -17.70%
GIL	33.90	28.00	-5.9	↓ -17.40%
PC1	33.70	28.00	-5.7	↓ -16.91%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HCT	11.20	7.60	-3.6	↓ -32.14%
PTD	10.00	7.40	-2.6	↓ -26.00%
HJS	42.30	34.00	-8.3	↓ -19.62%
KTS	35.30	28.40	-6.9	↓ -19.55%
PV2	3.20	2.60	-0.6	↓ -18.75%

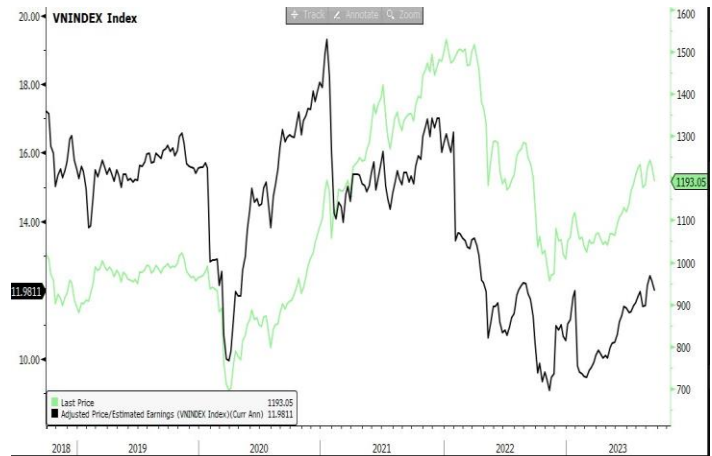
(*) Giá điều chỉnh



Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



Chuỗi PE ngành và thị trường



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	141,673,100	8.2%	1,005	14.3	1.1
SSI	134,080,102	8.9%	1,346	22.4	2.0
VND	127,406,700	3.9%	467	41.0	1.5
VPB	120,451,101	9.7%	1,532	14.0	1.3
STB	106,714,537	17.2%	3,601	8.1	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	145,139,866	4.3%	507	31.2	1.3
CEO	45,506,584	7.7%	885	20.6	1.2
PVS	45,329,256	7.2%	1,953	19.3	1.4
IDC	30,883,167	20.7%	3,969	12.2	2.6
HUT	30,086,895	1.3%	119	171.8	1.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
MDG	↑ 25.2%	10.7%	1,741	9.9	1.1
CCI	↑ 16.3%	13.1%	1,964	12.2	1.6
ABR	↑ 13.1%	14.5%	2,105	8.2	1.1
NBB	↑ 10.3%	0.8%	153	133.6	1.1
TLD	↑ 10.1%	0.9%	94	59.0	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VLA	↑ 38.3%	8.7%	897	26.0	2.0
VC6	↑ 29.5%	8.1%	1,197	10.4	0.9
NBP	↑ 12.6%	7.1%	1,474	9.8	0.7
PHN	↑ 12.4%	29.9%	5,411	8.4	2.4
PMS	↑ 12.2%	14.3%	3,203	8.4	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	16,491,071	17.2%	3,601	8.1	1.3
VHM	12,973,273	29.1%	10,341	4.1	1.1
PVD	3,757,079	1.8%	448	62.0	1.1
DXG	3,711,298	-1.4%	-317	-	0.7
PDR	2,345,100	8.2%	1,118	20.1	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	2,115,680	20.7%	3,969	12.2	2.6
PVS	1,122,100	7.2%	1,953	19.3	1.4
NRC	414,200	-5.9%	-788	-	0.4
CEO	408,034	7.7%	885	20.6	1.2
TIG	139,400	7.6%	1,091	9.6	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	472,278	23.0%	5,797	14.6	2.6
BID	203,353	19.0%	4,025	10.0	1.8
GAS	188,103	20.3%	5,567	14.7	2.3
VHM	185,061	29.1%	10,341	4.1	1.1
VIC	164,762	3.9%	1,395	31.0	1.2

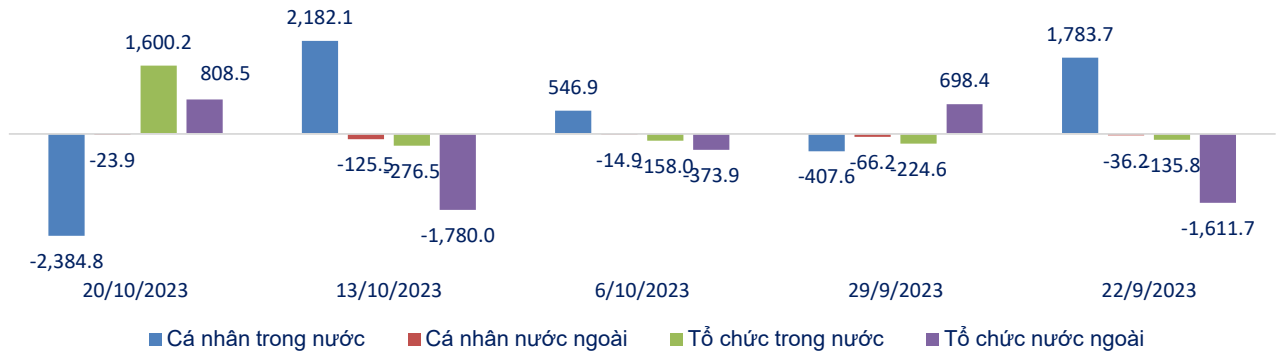
Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	18,296	1.3%	119	171.8	1.8
PVS	17,972	7.2%	1,953	19.3	1.4
IDC	16,005	20.7%	3,969	12.2	2.6
THD	13,744	2.9%	458	77.9	2.1
SHS	12,848	4.3%	507	31.2	1.3



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	141.67	5.0%	783	44.6	2.1
EIB	111.60	12.2%	1,462	11.7	1.2
MWG	93.42	6.6%	1,069	40.2	2.7
FIR	67.16	7.5%	864	24.2	1.5
MSN	53.02	3.6%	919	72.2	2.5

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-563.47	29.1%	10,341	4.1	1.1
STB	-332.64	17.2%	3,601	8.1	1.3
VPB	-251.45	9.7%	1,532	14.0	1.3
FRT	-124.76	-2.3%	(327)	-	7.2
GMD	-119.63	26.9%	7,566	8.6	2.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	7.91	1.8%	448	62.0	1.1
FPT	4.78	22.1%	4,596	20.0	3.6
VHM	3.77	29.1%	10,341	4.1	1.1
VND	3.57	3.9%	467	41.0	1.5
DBC	3.01	2.9%	551	35.9	1.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-20.33	9.7%	1,532	14.0	1.3
BWE	-9.85	16.0%	3,700	12.1	1.9
SHB	-7.55	17.7%	2,183	4.7	0.7
HPG	-7.31	-2.0%	(328)	-	1.4
DGC	-5.07	36.6%	10,780	8.3	2.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	416.79	9.7%	1,532	14.0	1.3
E1VFVN30	165.38	N/A	N/A	N/A	N/A
GMD	127.27	26.9%	7,566	8.6	2.0
MWG	100.56	6.6%	1,069	40.2	2.7
FUEVFVND	97.40	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-162.14	17.2%	3,601	8.1	1.3
FIR	-67.54	7.5%	864	24.2	1.5
VCI	-44.55	5.0%	783	44.6	2.1
VSC	-44.29	5.8%	1,370	18.7	1.0
PNJ	-33.02	20.5%	5,512	13.8	2.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

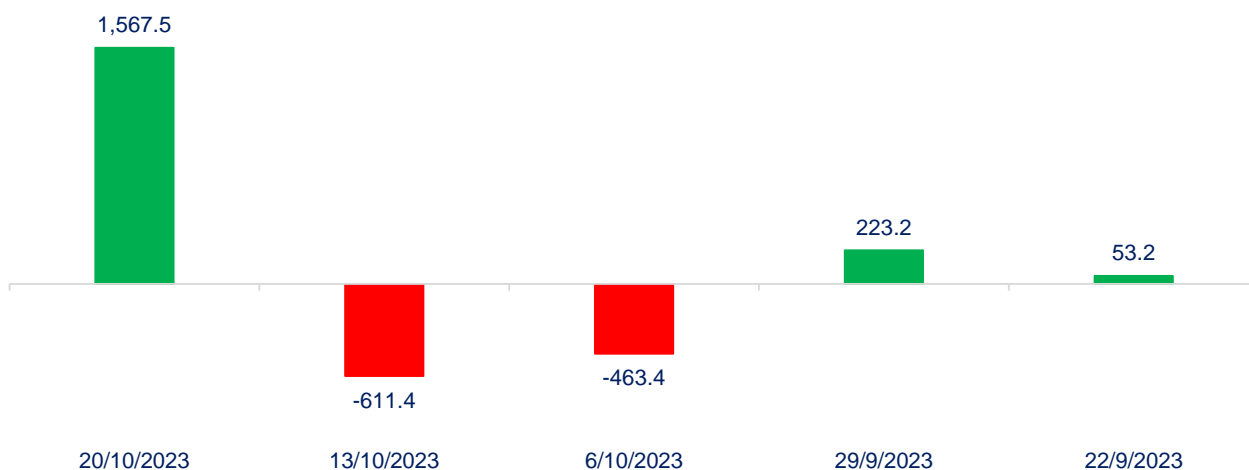
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	532.45	29.1%	10,341	4.1	1.1
STB	494.86	17.2%	3,601	8.1	1.3
PVD	96.00	1.8%	448	62.0	1.1
FRT	78.65	-2.3%	(327)	-	7.2
VHC	77.17	16.4%	7,080	10.0	1.6

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

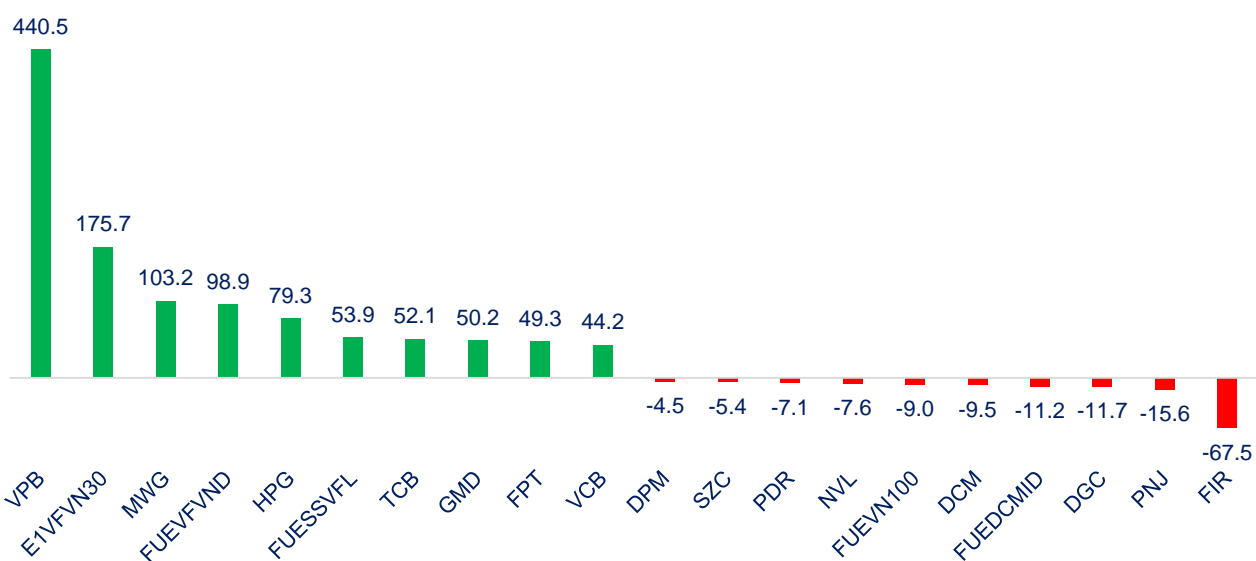
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-192.03	6.6%	1,069	40.2	2.7
EIB	-168.60	12.2%	1,462	11.7	1.2
E1VFVN30	-165.08	N/A	N/A	N/A	N/A
VPB	-145.02	9.7%	1,532	14.0	1.3
FUEVFVND	-111.98	N/A	N/A	N/A	N/A



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 tuần gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
13/7/2023	20/10/2023	20/7/2023	19/7/2023	VLC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2/8/2023	20/10/2023	15/8/2023	14/8/2023	ACE	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24/8/2023	20/10/2023	20/9/2023	19/9/2023	HCC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/8/2023	20/10/2023	6/9/2023	5/9/2023	HCD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/8/2023	20/10/2023	21/9/2023	20/9/2023	ALT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/9/2023	20/10/2023	9/10/2023	6/10/2023	SZE	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/9/2023	20/10/2023	2/10/2023	29/9/2023	CAV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21/9/2023	20/10/2023	4/10/2023	3/10/2023	PPS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/9/2023	20/10/2023	29/9/2023	28/9/2023	PVI	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/9/2023	20/10/2023	10/10/2023	9/10/2023	VOC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/9/2023	20/10/2023	29/9/2023	28/9/2023	DNC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/9/2023	20/10/2023	28/9/2023	27/9/2023	HEM	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20/9/2023	20/10/2023	6/10/2023	5/10/2023	IMP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18/9/2023	20/10/2023	5/10/2023	4/10/2023	KSV	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/9/2023	20/10/2023	21/9/2023	20/9/2023	RCL	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/9/2023	20/10/2023	22/9/2023	21/9/2023	DMC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12/9/2023	20/10/2023	20/9/2023	19/9/2023	GH3	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28/9/2023	20/10/2023	5/10/2023	4/10/2023	AGR	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25/9/2023	20/10/2023	2/10/2023	29/9/2023	TMX	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25/9/2023	20/10/2023	2/10/2023	29/9/2023	SPC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/10/2023	20/10/2023	12/10/2023	11/10/2023	MGG	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/10/2023	20/10/2023	16/10/2023	13/10/2023	YEG	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
4/10/2023	20/10/2023	10/10/2023	9/10/2023	TNG	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3/10/2023	20/10/2023	16/10/2023	13/10/2023	CC4	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
3/10/2023	20/10/2023	13/10/2023	12/10/2023	USC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2/10/2023	20/10/2023	9/10/2023	6/10/2023	BVS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/9/2023	20/10/2023	9/10/2023	6/10/2023	E29	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7/9/2023	21/10/2023	22/9/2023	21/9/2023	IBD	Đại hội Đồng Cổ đông
13/9/2023	21/10/2023	21/9/2023	20/9/2023	MDC	Đại hội Cổ đông Bất thường
8/9/2023	21/10/2023	19/9/2023	18/9/2023	HPX	Đại hội Đồng Cổ đông



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
